

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 286/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác gắn với nhà, đất thuộc phạm vi giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này thì được giao cùng với nhà, đất cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, sử dụng và khai thác cùng với nhà, đất được giao; trường hợp sau khi tiếp nhận, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương không có nhu cầu sử dụng thì thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục xử lý tài sản và trường hợp bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được thực hiện như quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này được thực hiện như quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được

từ xử lý tài sản công áp dụng đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

b) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khi thực hiện thuê nhà, đất của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15, quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn về kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về tài chính), các cơ quan giúp Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.”.

3. Bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện quản lý, xử lý đối với nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 6 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cùng cấp, gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao: 01 bản chính;

Văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn về tài chính: 01 bản chính;

Danh mục nhà, đất (trong đó gồm các thông tin: địa chỉ nhà, đất; số thửa tự thừa đất, tờ bản đồ; năm xây dựng nhà, năm đưa nhà vào sử dụng; diện tích đất, diện tích sàn xây dựng nhà, diện tích sàn sử dụng nhà; nguyên giá, giá trị còn lại; hiện trạng sử dụng) đề nghị giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác chia theo từng mục đích quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định này do cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao lập: 01 bản chính;

Quyết định chuyển giao nhà, đất: 01 bản sao;

Biên bản bàn giao, tiếp nhận nhà, đất: 01 bản sao;

Các hồ sơ pháp lý về nhà, đất (nếu có): 01 bản sao.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 10 như sau:

“a) Cho các đối tượng ưu tiên thuê nhà, gồm:

Tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền thuê để làm trụ sở làm việc trong trường hợp chưa có trụ sở làm việc;

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc danh mục chi tiết các loại hình và đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đáp ứng các tiêu chí để được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Luật Hợp tác xã, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã thuê để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 14 như sau:

“8. Trường hợp sau 02 lần tổ chức niêm yết giá để cho thuê mà không có người đăng ký thuê nhà thì tổ chức quản lý, kinh doanh nhà rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan chuyên môn về tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần). Trong đó, trường hợp xác định nguyên nhân không có người đăng ký thuê nhà do giá cho thuê cao, không còn phù hợp với giá thuê trên thị trường thì đồng thời tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định lại giá cho thuê nhà, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) lấy ý kiến Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần) để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh giá cho thuê tại Bảng giá cho thuê nhà; sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh giá cho thuê, việc niêm yết, thông báo công khai và tổ chức xác định người được quyền thuê nhà thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này. Trường hợp trong vòng một năm vẫn chưa cho thuê được thì đối với nhà, đất được giao với mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định này, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà báo cáo cơ quan chuyên môn về tài chính để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý cơ sở nhà, đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này và đưa ra khỏi danh mục nhà, đất quản lý để cho thuê.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 như sau:

“5. Trường hợp sau 02 lần đấu giá không thành thì tổ chức quản lý, kinh doanh nhà rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan chuyên môn về tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần). Trong đó, trường hợp xác định nguyên nhân không có người đăng ký thuê nhà do giá khởi điểm cho thuê cao, không còn phù hợp với giá thuê trên thị trường thì đồng thời tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định lại giá cho thuê nhà, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) lấy ý kiến Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần) để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh giá cho thuê tại Bảng giá cho thuê nhà; sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh giá cho thuê, việc tổ chức đấu giá cho thuê nhà thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Trường hợp trong vòng một năm vẫn chưa cho thuê được thì đối với nhà, đất được giao với mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định này, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà báo cáo cơ quan chuyên môn về tài chính để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý cơ sở nhà, đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này và đưa ra khỏi danh mục nhà, đất quản lý để cho thuê.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Căn cứ thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định này. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê nhà thực hiện như sau:

a) Người được quyền thuê nhà thuộc đối tượng ưu tiên có đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà kèm theo bản sao các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên, gửi tổ chức quản lý, kinh doanh nhà. Đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà căn cứ chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà của tổ chức, cá nhân thuê nhà và hồ sơ, tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà.”.

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 16 như sau:

“2a. Trường hợp Chính phủ quy định giảm tiền thuê đất cho một số đối tượng để thực hiện các biện pháp điều hành kinh tế - xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giảm tiền thuê nhà cho các đối tượng thuê nhà nhưng không vượt quá mức giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê nhà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Trên cơ sở Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trực tiếp hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà cho thuê (đối với nhà cho thuê thuộc phạm vi quản lý của tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với nhà cho thuê thuộc phạm vi quản lý của xã) tổ chức cưỡng chế thu hồi và bàn giao lại nhà cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý theo quy định. Việc bàn giao nhà phải lập biên bản có xác nhận của các cơ quan tham gia cưỡng chế thu hồi.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Sau khi thu hồi nhà, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà phải có văn bản báo cáo Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với nhà cho thuê thuộc phạm vi quản lý của tỉnh), báo cáo cơ quan chuyên môn về kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với nhà cho thuê thuộc phạm vi quản lý của xã) về việc đã hoàn thành việc thu hồi nhà.”.

10. Bổ sung khoản 5 Điều 21 như sau:

“5. Việc lập dự toán cải tạo, sửa chữa nhà, công trình gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này áp dụng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 22 như sau:

“8. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công áp dụng đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Số tiền thu được từ khai thác nhà, đất (tiền thuê nhà, tiền chậm nộp, chi phí sử dụng nhà, đất tạm thời theo quy định tại khoản 1 Điều này), số tiền thu được do lắp đặt công trình viễn thông trên nhà, đất của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo quy định của pháp luật về viễn thông phát sinh trong tháng được nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước trước ngày 30 của tháng đó (đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập); được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ các khoản chi phí quy định tại Điều 25 Nghị định này (nếu phát sinh) trước ngày 31 tháng 12 năm đó (đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà).”.

13. Bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Việc lập dự toán, quyết toán thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này áp dụng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà, việc thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định của Nghị định này, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.”.

14. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 32 như sau:

“3a. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Giao nhà, đất thuộc phạm vi quản lý cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định này hoặc quyết định và chỉ đạo tổ chức quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan trong trường hợp không giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác.

b) Thực hiện phân công cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định này.

c) Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý, khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác.

d) Chỉ đạo thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm để bảo đảm thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan, tránh thất thoát, lãng phí nhà, đất thuộc phạm vi quản lý.”.

15. Bổ sung một số cụm từ như sau:

a) Bổ sung cụm từ “(bao gồm cả phần diện tích sử dụng vào mục đích không phải để ở).” vào cuối điểm g khoản 2 Điều 1.

b) Bổ sung cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).” vào cuối khoản 1 Điều 2.

c) Bổ sung cụm từ “báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có),” vào trước cụm từ “gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành Bảng giá cho thuê nhà” tại khoản 1 Điều 13.

d) Bổ sung cụm từ “(nếu có)” vào sau cụm từ “hệ số điều chỉnh giá đất” tại khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 15.

đ) Bổ sung cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công,” vào sau cụm từ “thực hiện theo quy định về chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý quy định tại” tại khoản 6 Điều 22.

e) Bổ sung cụm từ “là đơn vị sự nghiệp công lập” vào sau cụm từ “tổ chức quản lý, kinh doanh nhà” tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 23.

g) Bổ sung cụm từ “Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà có trách nhiệm tổng hợp và xử lý số tiền này theo quy định tại khoản 2 Điều này.” vào cuối điểm b, điểm c khoản 3 Điều 23.

16. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các cấp” tại khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 6 Điều 28.

b) Thay thế cụm từ “tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ” bằng cụm từ “tổ chức được Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ” tại khoản 3 Điều 2.

c) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cùng cấp” tại khoản 3, điểm b, điểm c khoản 4, khoản 6 Điều 6, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 9, khoản 3 Điều 10, điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 19, khoản 3, khoản 4 Điều 20, khoản 1, khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 28, khoản 1, khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 31.

d) Thay thế cụm từ “các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần)” bằng cụm từ “các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần)” tại điểm a khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 9, khoản 1 Điều 13.

đ) Thay thế cụm từ “Sở Tài chính” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về tài chính” tại điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 6, khoản 3, khoản 4 Điều 9, điểm b khoản 3 Điều 17, khoản 3 Điều 20, khoản 1, khoản 2 Điều 27.

e) Thay thế cụm từ “Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan” bằng cụm từ “các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần)” tại khoản 6 Điều 6.

g) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao nhà, đất” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giao nhà, đất” tại khoản 1 Điều 13.

h) Thay thế cụm từ “Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt” bằng cụm từ “Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất được Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt” tại khoản 1 Điều 14.

i) Thay thế cụm từ “thẩm định” bằng cụm từ “kiểm tra” tại khoản 2 Điều 27.

k) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan chuyên môn về tài chính cùng cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần)” tại khoản 1 Điều 31.

l) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 11 Mẫu số 06.

17. Bãi bỏ một số cụm từ như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “Sở Xây dựng hoặc Sở Giao thông - Xây dựng (gọi chung là Sở Xây dựng), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), Cục Thuế, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và” tại điểm a khoản 3 Điều 6.

b) Bãi bỏ cụm từ “Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và” tại khoản 4 Điều 9.

c) Bãi bỏ cụm từ “Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý cấp trên của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà (nếu có) và” tại khoản 1 Điều 13.

d) Bãi bỏ cụm từ “chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng” tại khoản 3 Điều 20.

18. Thay thế Mẫu số 02 - Biên bản rà soát, xác định nhu cầu khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà (tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

19. Bổ sung Mẫu số 07 - Đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà (tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 9 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “theo quy định về quản lý, tính hao mòn, khấu hao áp dụng với Bên giao” vào sau cụm từ “kiểm kê, xác định giá trị” tại điểm a.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Trường hợp công trình điện chuyển giao đã được đưa vào sử dụng dưới 01 năm và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì giá trị công trình điện chuyển giao được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

đ1) Giá trị thẩm tra quyết toán.

đ2) Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán.

đ3) Tổng giá trị của các Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng tương ứng với công trình điện đó giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B).

đ4) Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất.

đ5) Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).”.

c) Bổ sung điểm e, điểm g như sau:

“e) Trường hợp công trình điện chuyển giao đã được đưa vào sử dụng từ 01 năm đến 03 năm và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì giá trị công trình điện chuyển giao được xác định theo thứ tự ưu tiên quy định tại điểm đ khoản này trừ đi giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm chuyển giao. Giá trị hao mòn lũy kế được xác định như sau:

$$\text{Giá trị hao mòn lũy kế} = \text{Giá trị công trình điện chuyển giao xác định theo điểm đ khoản này} \times \frac{\text{Thời gian đã sử dụng tính đến thời điểm kiểm kê, xác định giá trị (tháng)}}{\text{Thời gian trích khấu hao theo quy định áp dụng với đơn vị điện lực (tháng)}}$$

g) Trường hợp công trình điện chuyển giao đã được đưa vào sử dụng từ 03 năm trở lên và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì giá trị công trình điện chuyển giao được xác định theo quy định áp dụng cho công trình điện không có hồ sơ phê duyệt quyết toán tại điểm b khoản này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP) như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định đối với công trình điện trên địa bàn một xã, phường, đặc khu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ hai xã, phường, đặc khu trở lên.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 17 như sau:

“7. Sau khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận, Bên nhận tạm ghi tăng tài sản, tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo giá trị còn lại của tài sản được doanh nghiệp dự án theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán. Trường hợp công trình điện là một hạng mục trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì giá trị công trình điện chuyển giao được xác định bằng giá trị hạng mục công trình điện (trong trường hợp doanh nghiệp dự án hạch toán chi tiết từng hạng mục); trường hợp không hạch toán chi tiết từng hạng mục thì giá trị công trình điện được xác định bằng phần giá trị tài sản của dự án phân bổ theo tiêu chí phù hợp cho hạng mục công trình điện.

Trường hợp giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán của doanh nghiệp dự án thấp hơn 20% nguyên giá tài sản thì giá trị công trình điện được xác định bằng 20% nguyên giá tài sản.

Bên nhận thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị công trình điện chuyển giao (trừ công trình điện chuyển giao sớm); trình Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt giá trị đánh giá lại công trình điện chuyển giao. Bên nhận có trách nhiệm điều chỉnh nguyên giá, giá trị còn lại của công trình điện và điều chỉnh vốn đầu tư của chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo giá trị đánh giá lại đã được phê duyệt.”.

4. Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 18 như sau:

“đ) Đối với các công trình điện chuyển giao sớm mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam và doanh nghiệp dự án đã thực hiện ký biên bản chuyển giao tài sản trước ngày 01 tháng 3 năm 2024 thì đơn vị điện lực thực hiện ghi tăng tài sản và tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo giá trị quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định này.”.

5. Bãi bỏ điểm a khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 19.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hình thức xử lý tài sản

Hình thức xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. Riêng đối với tài sản mà tại các Bản án của tòa yêu cầu trả lại một phần cho đồng sở hữu hoặc người có liên quan và tịch thu một phần tài sản thì hình thức xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; trường hợp pháp luật về thi hành án dân sự không có quy định thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 22 như sau:

“d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 80 như sau:

“Điều 80. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 101 như sau:

“Điều 101. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ tiền thu được từ xử lý tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản đối với tài sản do bộ, cơ quan trung ương, người có thẩm quyền của bộ, cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý.

b) Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý.

c) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 104 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm đã có văn bản, Quyết định tịch thu hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Đối với tài sản đang lưu giữ, bảo quản tại kho của cơ quan dự trữ nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan dự trữ nhà nước có trách nhiệm lập phương án tiêu hủy tài sản, báo cáo Bộ Tài chính để Bộ Tài chính lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương có liên quan (nếu cần).

b) Sau khi có ý kiến của các bộ, cơ quan quy định tại điểm a khoản này (trường hợp lấy ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương), cơ quan dự trữ nhà nước hoàn thiện phương án tiêu hủy tài sản, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt. Trường hợp không lấy ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương thì cơ quan dự trữ nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án tiêu hủy tài sản. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ quan dự trữ nhà nước trình, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án tiêu hủy tài sản.

Nội dung chủ yếu của phương án tiêu hủy tài sản gồm: Thông tin về tài sản (số lượng, chủng loại); thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản; cơ quan phối hợp xử lý tài sản (nếu có); đề xuất chi phí xử lý tài sản; thời hạn xử lý; các nội dung khác (nếu có).

c) Việc tổ chức tiêu hủy và chi phí xử lý được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13, Điều 92, Điều 93 Nghị định này. Kinh phí thực hiện phương án được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan được giao tổ chức thực hiện tiêu hủy.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm đã có văn bản, Quyết định tịch thu hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa bàn giao, tiếp nhận để lưu giữ, bảo quản tại kho của cơ quan dự trữ nhà nước thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý theo hình thức tiêu hủy hoặc đề xuất phương án giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, trưng bày, giáo dục pháp luật. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản. Nội dung chủ yếu của phương án xử lý tài sản, việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản và kinh phí thực hiện phương án thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 92, Điều 93 Nghị định này.”.

c) Bổ sung khoản 6, khoản 7 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Trường hợp tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc thẩm quyền đề xuất hoặc lập phương án xử lý của cơ quan, đơn vị mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc chưa hoàn thành việc xử lý tài sản mà nay không còn cơ quan, đơn vị này do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định giao cho cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đơn vị hành chính cấp xã (mới) tiếp nhận, thực hiện việc quản lý, xử lý tài sản. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được thực hiện theo các quy định tương ứng với loại tài sản và cơ quan, đơn vị thực hiện quy định tại Nghị định này.

7. Trường hợp điều chỉnh phương án xử lý tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được thực hiện theo các quy định tương ứng với loại tài sản và cơ quan, đơn vị thực hiện quy định tại Nghị định này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 105 như sau:

“5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định này; trong thời gian chưa ban hành thì tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền đã được quy định hoặc phân cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Quá thời hạn nêu trên, trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương chưa ban hành văn bản phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

Quá thời hạn nêu trên, trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành văn bản phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.

8. Sửa đổi, bổ sung chú thích (9) của Mẫu số 02-QĐXL&PA như sau:

“(9) Ghi rõ hình thức xử lý tài sản theo quy định; trường hợp nhiều tài sản với nhiều hình thức xử lý khác nhau thì ghi rõ hình thức xử lý đối với từng tài sản tại Điều 2 hoặc có thể gộp nội dung phương án xử lý tài sản vào Điều 1 và bổ sung cột “Hình thức xử lý tài sản.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Mẫu số 03-QĐPA như sau:

“Điều 1. Phê duyệt phương án xử lý tài sản theo...⁽⁷⁾ đối với các tài sản sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Năm sử dụng (nếu có)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý tài sản ⁽⁸⁾

10. Bổ sung một số cụm từ như sau:

a) Bổ sung cụm từ “có thể” vào trước cụm từ “được thực hiện đồng thời”, bổ sung cụm từ “; thời gian thực hiện không quá tổng thời gian thực hiện trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản” vào sau cụm từ “Quyết định của người có thẩm quyền” tại khoản 1 Điều 4.

b) Bổ sung cụm từ “(nơi đơn vị chủ trì quản lý tài sản đóng trụ sở hoặc nơi bảo quản tài sản hoặc nơi tổ chức đấu giá tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định)” vào sau cụm từ “Đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính nơi xử lý tài sản” tại điểm b khoản 4 Điều 14.

c) Bổ sung cụm từ “tiếp tục bán tài sản hoặc” vào trước cụm từ “hủy phương án xử lý tài sản” tại khoản 7 Điều 14.

d) Bổ sung cụm từ “và các chi phí có liên quan” vào sau cụm từ “giao, nhận, giám định” và cụm từ “giao, nhận, giám định tài sản”, bổ sung cụm từ “hoặc Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản” vào sau cụm từ “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 92.

đ) Bổ sung cụm từ “trường hợp cần thiết,” vào sau cụm từ “phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu,” tại khoản 3 Điều 97.

11. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 4 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 9, điểm b khoản 4 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21, Điều 26, Điều 27, Điều 28, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 46, khoản 3 Điều 72, điểm b khoản 1 Điều 84, ghi chú (10) Mẫu số 01-QĐXL, ghi chú (12) Mẫu số 02-QĐXL&PA, ghi chú (11) Mẫu số 03-QĐPA.

b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 9, điểm a khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 4 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 46, khoản 3, khoản 4 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 84, ghi chú (10) Mẫu số 01-QĐXL, ghi chú (12) Mẫu số 02-QĐXL&PA, ghi chú (11) Mẫu số 03-QĐPA.

c) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính - Kế hoạch) đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyên giao” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị chủ trì quản lý đối với các trường hợp còn lại” tại khoản 2 Điều 5.

d) Thay thế cụm từ “Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP” bằng cụm từ “Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản” tại điểm đ khoản 2 Điều 7.

đ) Thay thế cụm từ “gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên)” bằng cụm từ “gửi cơ quan/đơn vị quản lý cấp trên (sau đây gọi là cơ quan quản lý cấp trên) (trong trường hợp cơ quan/đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên)” tại khoản 1 Điều 11.

e) Thay thế cụm từ “Phòng Tư pháp” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 4 Điều 14.

g) Thay thế cụm từ “Hội đồng xác định giá tham khảo (nếu cần).” bằng cụm từ “làm căn cứ cho Hội đồng xác định giá bán; hoạt động của Hội đồng xác định giá bán thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 83 Nghị định này.” tại điểm b khoản 1 Điều 84.

h) Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn về đất đai của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường (cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương)” tại điểm b khoản 1 Điều 85, điểm b khoản 1 Điều 86, điểm b khoản 1 Điều 88, điểm b khoản 1 Điều 89.

i) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại điểm a khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10, điểm a khoản 4 Điều 11, Điều 12, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 20, Điều 21, điểm c khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 43, điểm a khoản 2 Điều 46, khoản 4 Điều 47, khoản 3, khoản 4 Điều 48, Điều 49.

k) Thay thế cụm từ “Chung loại” bằng cụm từ “Tên tài sản”; thay thế cụm từ “cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:” bằng cụm từ “cơ quan/đơn vị chủ trì và cơ quan/đơn vị phối hợp xử lý tài sản:” tại Mẫu số 04-ĐXPA, Mẫu số 05-PA.

l) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài chính” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 1 Điều 31.

m) Thay thế cụm từ “Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công)” bằng cụm từ “Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” tại khoản 6 Điều 13.

n) Thay thế cụm từ “Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP)” bằng cụm từ “Nghị định số 186/2025/NĐ-CP” tại khoản 5 Điều 15.

o) Thay thế cụm từ “các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 26 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2025/NĐ-CP)” bằng cụm từ “các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 16.

12. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “Đối với tài sản vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền mà đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này có văn bản ủy quyền thực hiện xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án cùng cấp theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự thực hiện xử lý tài sản thì cơ quan thi hành án được ủy quyền tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.” tại khoản 4 Điều 6.

b) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện,” tại điểm b khoản 1 Điều 19.

c) Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện,” tại điểm b khoản 4 Điều 14.

d) Bãi bỏ cụm từ “, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này” tại khoản 2, khoản 3 Điều 10, khoản 2, khoản 3 Điều 20.

đ) Bãi bỏ cụm từ “, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại điểm b khoản 1 Điều 21.

e) Bãi bỏ cụm từ “Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính,” tại điểm a khoản 1 Điều 46.

g) Bãi bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài chính,” tại điểm a khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2, Điều 32.

h) Bãi bỏ cụm từ “, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này” và cụm từ “, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này” tại khoản 3, khoản 4 Điều 47, khoản 3, khoản 4 Điều 55, khoản 3, khoản 4 Điều 63.

i) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 1 Điều 68.

k) Bãi bỏ cụm từ “khởi điểm để đấu giá” tại điểm a khoản 1 Điều 83; bãi bỏ cụm từ “Thanh tra,” tại điểm c khoản 3 Điều 105.

l) Bãi bỏ cụm từ “, huyện” tại điểm b khoản 1 Điều 84.

m) Bãi bỏ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 11, điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 21, điểm đ khoản 1 Điều 22, điểm c khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 32, khoản 1, khoản 2 Điều 47, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 48, khoản 1, khoản 2 Điều 55, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 56, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 57, khoản 1, khoản 2 Điều 63, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 65, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 66, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 5 Điều 102, điểm a khoản 3 Điều 105.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“14. Mức giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại theo quy định của pháp luật). Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng xem xét, quyết định giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại của xe ô tô đã qua sử dụng không cao hơn (nhỏ hơn hoặc bằng) 115% mức giá xe tối đa quy định tại Nghị định này.”.

b) Bổ sung khoản 15, khoản 16 vào sau khoản 14 như sau:

“15. Xử lý tài sản công của bộ phận biệt phái trong trường hợp chuyển việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên của bộ phận biệt phái từ các bộ, cơ quan trung ương về Bộ Ngoại giao

Trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền, việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho bộ phận biệt phái được chuyển từ bộ, cơ quan trung ương về Bộ Ngoại giao thì bộ phận biệt phái có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng tài sản cho cơ quan đại

diện. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Cơ quan đại diện và bộ phận biệt phái thực hiện hạch toán tăng, giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành. Cơ quan đại diện được kế thừa quyền quản lý, sử dụng tài sản của bộ phận biệt phái và có trách nhiệm:

a) Bố trí sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công (bao gồm bố trí tài sản cho các cán bộ, công chức, viên chức của bộ phận biệt phái); thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

b) Xác định tài sản dôi dư hoặc tài sản thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp tục thực hiện các nội dung chưa hoàn thành đối với các tài sản của bộ phận biệt phái đã có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền nhưng đến khi bàn giao tài sản chưa xử lý xong.

16. Xử lý tài sản công của bộ phận biệt phái trong trường hợp chuyển việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên từ Bộ Ngoại giao về các bộ, cơ quan trung ương

a) Trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền, việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho bộ phận biệt phái được chuyển từ Bộ Ngoại giao về các bộ, cơ quan trung ương thì Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan, người có thẩm quyền được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phân cấp thẩm quyền quyết định phương án phân chia tài sản hiện có của cơ quan đại diện cho bộ phận biệt phái, phân công trách nhiệm xử lý các tài sản đang trong quá trình xử lý cho bộ phận biệt phái (nếu có) trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản, thực trạng tài sản hiện có, tình hình thực hiện nhiệm vụ của bộ phận biệt phái, cơ quan đại diện.

b) Căn cứ quyết định phương án phân chia tài sản tại điểm a khoản này, cơ quan đại diện bàn giao tài sản cho bộ phận biệt phái. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Bộ phận biệt phái được kế thừa quyền quản lý, sử dụng tài sản đã tiếp nhận của cơ quan đại diện. Cơ quan đại diện và bộ phận biệt phái thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành.

d) Bộ phận biệt phái bố trí sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản, hoàn thành việc xử lý các tài sản đang trong quá trình xử lý theo trách nhiệm được phân công và xử lý tài sản dôi dư (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cụ thể của từng cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ thực hiện theo quy định của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.”.

4. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Xác định giá trị tài sản trên đất, giá trị quyền sử dụng đất và điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất

Việc xác định, điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất được áp dụng theo thứ tự như sau:

1. Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước sở tại là thành viên.

2. Pháp luật của nước sở tại.

3. Trường hợp pháp luật của nước sở tại không quy định thì việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

a) Xác định giá trị tài sản trên đất, giá trị quyền sử dụng đất

Trường hợp mua sắm hoặc nhận chuyển nhượng tài sản trên đất (gắn với quyền sử dụng đất) thì cơ quan Việt Nam ở nước ngoài đề nghị bên có tài sản (Bên bán) tách riêng giá trị của từng tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để ghi vào Hợp đồng/Thỏa thuận mua, bán, chuyển nhượng làm căn cứ hạch toán giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất. Trường hợp Bên bán không tách riêng được giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất thì cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hạch toán giá trị quyền sử dụng đất (nguyên giá, giá trị còn lại) theo giá trị quy ước là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) (sau đây gọi là giá trị quy ước); giá trị tài sản trên đất xác định bằng toàn bộ giá trị mua sắm hoặc nhận chuyển nhượng trừ (-) đi giá trị quy ước đối với quyền sử dụng đất, trường hợp có nhiều tài sản trên đất thì căn cứ diện tích sản sử dụng để thực hiện phân bổ, xác định giá trị từng tài sản trên đất.

Trường hợp mua sắm hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không gắn với tài sản trên đất) hoặc tài sản trên đất (không gắn với quyền sử dụng đất) thì căn cứ Hợp đồng/Thỏa thuận mua, bán, chuyển nhượng để hạch toán giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất.

Trường hợp nhận điều chuyển tài sản trên đất, quyền sử dụng đất thì xác định giá trị tài sản trên đất, giá trị quyền sử dụng đất theo nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất

Việc điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất được thực hiện trong các trường hợp sau:

b1) Trường hợp bán, chuyển nhượng, điều chuyển một phần diện tích đất đang quản lý, sử dụng thì điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất đã hạch toán theo tỷ lệ diện tích bán, chuyển nhượng, điều chuyển và diện tích trước khi bán, chuyển nhượng, điều chuyển; không điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất trong trường hợp diện tích đất đang quản lý, sử dụng đã hạch toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị quy ước.

b2) Trường hợp mua sắm, nhận chuyển nhượng, nhận điều chuyển diện tích đất liền thửa với diện tích đất đang quản lý, sử dụng mà nước sở tại cho phép hợp thửa:

Đối với trường hợp mua sắm, nhận chuyển nhượng thì điều chỉnh tăng giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị mua sắm, nhận chuyển nhượng (bao gồm trường hợp diện tích đất đang quản lý, sử dụng đã hạch toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị quy ước).

Đối với trường hợp nhận điều chuyển thì điều chỉnh tăng giá trị quyền sử dụng đất theo nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản; không điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất trong trường hợp cả diện tích đất nhận điều chuyển và diện tích đang quản lý, sử dụng đều hạch toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị quy ước.

b3) Khi kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản công theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 16 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“b) Căn cứ mặt bằng giá và yêu cầu phục vụ hoạt động ngoại giao tại mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ và giá xe tối đa quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại, nhãn hiệu và giá xe phù hợp để trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại điểm a khoản này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“5. Trường hợp tại một số địa bàn cần thiết phải trang bị xe ô tô loại trên 16 chỗ ngồi phục vụ các đoàn công tác đối ngoại, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương xem xét, quyết định. Xe ô tô được trang bị theo quy định tại khoản này có mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng và không tính vào số lượng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan đại diện, bộ phận biệt phái theo định mức quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cụ thể của từng cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.”.

7. Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 171/2024/NĐ-CP) như sau:

“c1) Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước (thời gian chốt số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo) của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số), gửi trực tiếp Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm theo Mẫu số 01-BC/THC, Mẫu số 02-BC/HT; Mẫu số 03-BC/TG, Mẫu số 04-ĐC/BC ban hành kèm theo Nghị định này.”.

8. Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 23, khoản 6 Điều 24, các khoản 3, 4 và 5 Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 3 và khoản 4 Điều 27, các khoản 3, 4 và 6 Điều 28, Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 31, khoản 3 Điều 32, khoản 3 Điều 33.

9. Thay thế cụm từ “Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” tại khoản 3 Điều 8, cụm từ “Nghị định số 151/2017/NĐ-CP” tại khoản 1 Điều 24 thành “Nghị định số 186/2025/NĐ-CP”.

10. Bãi bỏ một số điểm, khoản và cụm từ sau đây:

a) Điểm d khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 18, khoản 2a Điều 36.

b) Cụm từ “(trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12a Nghị định này)” tại khoản 4 Điều 15.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 6 như sau:

“6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 5 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

b) Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn địa phương khác trước khi phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Thời hạn có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) trong trường hợp không có ý kiến đúng hạn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với:

a) Nhà, đất tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương. Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) thì việc

phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; việc lấy ý kiến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đối với tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác không trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thì việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường trực của tổ chức hội; việc lấy ý kiến Ban Thường trực của tổ chức hội được thực hiện theo Quy chế làm việc của tổ chức hội.

b) Nhà, đất điều chuyển giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

c) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương để hỗ trợ cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về hội căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, nguồn tài sản và ý kiến của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương về việc không có quỹ nhà, đất phù hợp để cho tổ chức hội thuê theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Việc điều chuyển nhà, đất cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được thực hiện trong trường hợp tổ chức hội chưa có trụ sở làm việc và tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương không có quỹ nhà, đất phù hợp để cho tổ chức hội thuê theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

d) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

đ) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương cho ngân hàng chính sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc ngân hàng chính sách, cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với:

a) Nhà, đất tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý (bao gồm nhà, đất tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương đó trên địa bàn địa phương khác);

b) Nhà, đất điều chuyển từ địa phương sang các bộ, cơ quan trung ương; hoặc sang địa phương khác sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

c) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương để hỗ trợ cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về hội căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, nguồn tài sản và ý kiến của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương về việc không có quỹ nhà, đất phù hợp để cho tổ chức hội thuê theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Việc điều chuyển nhà, đất cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được thực hiện trong trường hợp tổ chức hội chưa có trụ sở làm việc và tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương không có quỹ nhà, đất phù hợp để cho tổ chức hội thuê theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

d) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

đ) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương cho ngân hàng chính sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc ngân hàng chính sách, cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Trường hợp nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện xử lý như sau:

Trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì thực hiện bán nhà cho người đang sử dụng; việc xác định tiền nhà để bán được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP

ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. Người đang sử dụng nhà, đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và các khoản phải nộp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người đang sử dụng nhà, đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường (cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương) trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Xử lý đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Cơ quan quản lý nhà ở địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường (cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương) có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.”.

d) Bổ sung cụm từ “Riêng nhà, đất tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì thẩm quyền quyết định chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.” vào cuối điểm c khoản 2 Điều 13.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 3 Điều 3 như sau:

“h) Nhà, đất thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; nhà, đất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động theo quyết định hoặc phương án, đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động (pháp nhân mới) thực hiện quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025”.

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này.

Nhà, đất chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhưng có nhu cầu điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của một bộ, cơ quan trung ương, địa phương thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; sau khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận nhà, đất có trách nhiệm kê khai, báo cáo để sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.”.

6. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản sau đây:

a) Bổ sung cụm từ “Việc sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, sửa chữa trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trên phần diện tích không bị lấn, chiếm được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.” vào cuối khổ đầu tiên điểm e khoản 3 Điều 3.

b) Bổ sung cụm từ “và trong một hoặc nhiều Quyết định” vào sau cụm từ “Quyết định xử lý được thực hiện đồng thời với việc ban hành văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất” tại khổ thứ hai khoản 10 Điều 6.

c) Bổ sung cụm từ “Chủ tịch” vào trước cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 11, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13.

d) Thay thế cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội” thành “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội” khoản 1 Điều 2.

đ) Thay thế cụm từ “theo các hình thức ngoài các hình thức quy định tại Điều 9 Nghị định này” thành “theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành” tại điểm 1 khoản 3 Điều 3.

e) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” thành “Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã)” tại điểm b khoản 3 Điều 4.

g) Thay thế cụm từ “quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” thành “xã, phường, đặc khu” tại khoản 4 Điều 4.

h) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” thành “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1 Điều 7.

i) Thay thế đoạn “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản thu hồi theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp” thành “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng cơ chế tài chính riêng (thực hiện giao vốn, trích khấu hao tài sản cố định) hoặc áp dụng, vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản thu hồi theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp” tại khoản 5 Điều 11.

k) Thay thế đoạn “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản điều chuyển theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp” thành “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng cơ chế tài chính riêng (thực hiện giao vốn, trích khấu hao tài sản cố định) hoặc áp dụng, vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản điều chuyển theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp” tại khoản 2 Điều 12.

l) Thay thế đoạn “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản chuyển giao theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản” thành “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng cơ chế tài chính riêng (thực hiện giao vốn, trích khấu hao tài sản cố định) hoặc áp dụng, vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản chuyển giao theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp” tại điểm d khoản 4 Điều 13.

m) Bãi bỏ khoản 7, khoản 8 Điều 6, khoản 5, khoản 6 Điều 7.

n) Bãi bỏ cụm từ “tổ chức chính trị - xã hội,” tại điểm a khoản 3 Điều 4.

o) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 2 Điều 13.

p) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại điểm b khoản 1 Điều 27.

q) Bãi bỏ cụm từ “điểm a, điểm b” tại khoản 10 Điều 6.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 Điều 20 như sau:

“c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho ngân hàng chính sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc ngân hàng chính sách, cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 91 như sau:

“3. Trong các trường hợp sau thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản của dự án thuộc trung ương quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản của dự án thuộc địa phương quản lý:

a) Điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương khác, địa phương khác trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Điều chuyển tài sản để hỗ trợ cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về hội. Việc điều chuyển trụ sở làm việc cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được thực hiện trong trường hợp tổ chức hội chưa có trụ sở làm việc và tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương không có quỹ nhà, đất phù hợp để cho tổ chức hội thuê theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp phải phù hợp với quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều 21 Nghị định này.

d) Điều chuyển tài sản cho ngân hàng chính sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc ngân hàng chính sách, cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.”.

3. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “khoản 7 Điều 19 Nghị định này” thành “khoản 8 Điều 19 Nghị định này” tại điểm b khoản 8 Điều 14.

b) Thay thế cụm từ “xử lý” thành “giao, xử lý” tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 16.

c) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương” thành “cơ quan, người có thẩm quyền thuộc bộ, cơ quan trung ương” tại điểm c khoản 1 Điều 18.

d) Thay thế cụm từ “Trường hợp tài sản chuyển giao là các điểm trường” thành “Trường hợp tài sản thu hồi là các điểm trường” tại khoản 2 Điều 19.

đ) Thay thế cụm từ “phần giá trị còn lại của tài sản thu hồi” thành “phần giá trị còn lại của tài sản điều chuyển” tại điểm b khoản 4 Điều 21.

e) Thay thế cụm từ “phần giá trị còn lại của tài sản thu hồi” thành “phần giá trị còn lại của tài sản chuyển giao” tại khoản 6 Điều 37.

g) Thay thế cụm từ “, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản” thành “hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán” tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 58, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 59.

h) Thay thế cụm từ “Chương XIV Nghị định này” thành “Chương XIII Nghị định này” tại khoản 2 Điều 73.

i) Thay thế cụm từ “khoản 2 Điều này” thành “khoản 1 Điều này” tại khoản 3 Điều 78.

4. Bãi bỏ một số cụm từ như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “Mục 4” tại khoản 4 Điều 16.

b) Bãi bỏ cụm từ “điểm a” tại điểm a khoản 10 Điều 50.

c) Bãi bỏ cụm từ “Trường hợp dự án thực hiện bằng nguồn vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ, vốn vay do Chính phủ bảo lãnh hoặc nguồn viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính trước khi quyết định giao tài sản cho đối tượng quản lý.” tại điểm b khoản 2 Điều 93.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Điều khoản chuyển tiếp Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ) như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương chỉ đạo cơ quan đại diện, bộ phận biệt phái thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản đang quản lý, sử dụng (bao gồm tài sản đã bàn giao, tiếp nhận giữa bộ phận biệt phái và cơ quan đại diện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành) và thực hiện công việc chưa thực hiện theo quy định tại khoản 15, điểm c, điểm d khoản 16 Điều 5 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

b) Các trường hợp đã thực hiện hạch toán tài sản phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15a Nghị định số 166/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này thì tiếp tục hạch toán theo số liệu đã hạch toán.

c) Trường hợp mua sắm hoặc nhận chuyển nhượng tài sản trên đất (bao gồm quyền sử dụng đất) trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng không có hồ sơ, căn cứ để tách riêng giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất mà cơ quan Việt Nam ở nước ngoài đang hạch toán toàn bộ giá trị mua sắm hoặc nhận chuyển nhượng vào giá trị tài sản trên đất (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất) thì thực hiện hạch toán tăng giá trị quyền sử dụng đất bằng giá trị quy ước và thay đổi (điều chỉnh giảm) nguyên giá tài sản trên đất và tính hao mòn tài sản trên đất như sau:

c1) Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản trên đất

Trường hợp có một tài sản trên đất: Nguyên giá tài sản trên đất được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) đi giá trị quyền sử dụng đất.

Trường hợp có nhiều tài sản trên đất: Tổng nguyên giá các tài sản trên đất được xác định lại bằng (=) Tổng nguyên giá đang hạch toán trừ (-) đi giá trị quyền sử dụng đất; căn cứ tổng nguyên giá các tài sản trên đất được xác định lại và diện tích sàn sử dụng để thực hiện phân bổ, xác định giá trị từng tài sản trên đất.

c2) Hao mòn tài sản trên đất sau khi giảm nguyên giá thực hiện tương tự đối với trường hợp thay đổi nguyên giá do tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản cố định theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

d) Đối với diện tích đất, tài sản trên đất hiện có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa xác định giá trị để hạch toán kế toán do không có hồ sơ, căn cứ để xác định giá trị thì cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện hạch toán giá trị (nguyên giá, giá trị còn lại) đối với từng tài sản trên đất, quyền sử dụng đất theo giá trị quy ước và không tính hao mòn đối với tài sản trên đất. Trường hợp trong quá trình quản lý, sử dụng mà thực hiện nâng cấp, mở rộng các tài sản trên đất theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê

duyet thì nguyên giá tài sản trên đất được xác định lại bằng (=) giá trị quy ước cộng (+) phần giá trị nâng cấp, mở rộng tài sản trên đất (sau đây gọi là phần giá trị nâng cấp, mở rộng). Trong đó, phần giá trị nâng cấp, mở rộng là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan. Việc thực hiện hao mòn đối với phần giá trị nâng cấp, mở rộng của tài sản trên đất thực hiện như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm} \\ \text{của tài sản trên đất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị nâng cấp,} \\ \text{mở rộng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hao mòn} \\ \text{(\% năm) của tài} \\ \text{sản trên đất} \end{array}$$

đ) Việc quy đổi tỷ giá ngoại tệ để hạch toán kế toán tại các điểm a, c và d khoản này áp dụng theo Bảng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

e) Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc quyết định áp dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, máy móc, thiết bị chuyên dùng mới. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để thực hiện.

g) Đối với các thẩm quyền trong quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các địa phương thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền của địa phương được giữ tên sau sáp nhập, hợp nhất.

h) Đối với các thẩm quyền trong quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

a) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục áp dụng cho đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà mới.

b) Trường hợp tổ chức quản lý, kinh doanh nhà đã tiếp nhận đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà của người được quyền thuê nhà thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tổ chức quản lý, kinh doanh nhà căn cứ chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà do cơ quan có thẩm quyền ban hành, hồ sơ đã tiếp nhận để xem xét, quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà; không phải có đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Việc rà soát, phân loại nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của xã theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 11 năm 2025.

2. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Các Điều 20, 21 và 22 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Các Điều 4, 5 và 14 Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản, lý, sử dụng tài sản công.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo:

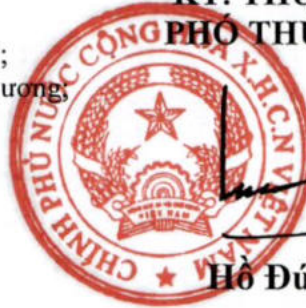
a) Tổ chức triển khai Nghị định này; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành không phù hợp với quy định của Nghị định này để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý, tránh thất thoát, lãng phí tài sản.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Đức Phớc



Phụ lục I

*(Kèm theo Nghị định số 286/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01-BC/THC	Báo cáo tổng hợp tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài
Mẫu số 02-BC/HT	Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài
Mẫu số 03-BC/TG	Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài
Mẫu số 04-ĐC/BC	Mẫu đề cương báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG:.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Ngày báo cáo:/...../.....

Tỷ giá quy đổi: VND/USD (theo tỷ giá lập Báo cáo tài chính năm)

Tài sản	Chỉ tiêu số lượng		Chỉ tiêu diện tích (m ²)	Chỉ tiêu nguyên giá (nghìn đồng)			Chỉ tiêu giá trị còn lại (nghìn đồng)
	Đơn vị tính	Số lượng		Tổng cộng	Trong đó:		
					Ngân sách	Nguồn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Đất	khuôn viên						
2. Nhà	cái						
3. Vật kiến trúc	cái						
4. Xe ô tô	cái						
5. Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	cái						
6. Máy móc, thiết bị là TSCĐ	tài sản	(*)					
7. Cây lâu năm, súc vật làm việc là TSCĐ	cây/con						
8. TSCĐ hữu hình khác	tài sản	(**)					
9. TSCĐ vô hình	tài sản	(***)					
Tổng cộng:							

Ghi chú:

- TSCĐ: Viết tắt của tài sản cố định
- (*): Là tổng số lượng máy móc, thiết bị đủ điều kiện là TSCĐ; ví dụ: Có 6 ti vi và 8 máy điều hòa nhiệt độ thì nhập là 14 (tài sản).
- (**), (***) xác định tổng số lượng TSCĐ tương tự như (*).
- Diện tích nhà: Là tổng diện tích sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02-BC/HT

BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG:.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Ngày báo cáo:/...../.....

Phần 1: Tổng hợp chung

[illegible]

[illegible]

Tài sản	Chỉ tiêu số lượng		Chỉ tiêu diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
	Đơn vị tính	Số lượng			Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Địa chỉ A										
Địa chỉ B										
...										
2- Nhà	cái									
Địa chỉ A										
Nhà số 01										
Nhà số 02										
...										
Địa chỉ B										
Nhà số 01										
Nhà số 02										
...										
3- Xe ô tô	cái									
BKS số...										
BKS số...										
...										
4- TSCĐ khác	tài sản	(*)								
Tổng cộng:										

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Điền số liệu tại các cột (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11) và đảm bảo logic sau:

- Đối với tài sản là nhà, đất:

+ Cột (4) = Cột (5) + Cột (6) + Cột (7) + Cột (8) + Cột (9) + Cột (10) + Cột (11) với đơn vị tính là m². Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng vào từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.

+ Diện tích của Nhà số 01, Nhà số 02: Là tổng diện tích sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà.

- Đối với tài sản là xe ô tô: Cột (3) = Cột (5) + Cột (6) + Cột (7) + Cột (8) + Cột (9) + Cột (10) + Cột (11). Trường hợp tài sản được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.

- Đối với tài sản cố định khác: Số liệu (*) tại Cột (3) là tổng số lượng tài sản cố định; Ví dụ: Có 6 tivi và 8 máy điều hòa thì nhập số liệu (*) là 14 (tài sản); đồng thời số liệu (*) tại Cột (3) = Cột (5) + Cột (6) + Cột (7) + Cột (8) + Cột (9) + Cột (10) + Cột (11). Trường hợp tài sản được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Tỷ giá quy đổi: VND/USD (theo tỷ giá lập Báo cáo tài chính năm)

[illegible]

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

[illegible]

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

[illegible]

Tài sản	Đơn vị tính (áp dụng cho chỉ tiêu số lượng)	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
		Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
II- Đơn vị B													
1- Đất	<i>khuôn viên</i>												
Địa chỉ A													
Địa chỉ B													
...													
2- Nhà	<i>cái</i>												
2.1- Địa chỉ A													
Nhà số 01													
Nhà số 02													
Nhà số 03													
...													
2.2- Địa chỉ B													
Nhà số 01													
Nhà số 02													
Nhà số 03													
...													
3- Xe ô tô	<i>cái</i>												
BKS số ...													
BKS số ...													
4- TSCĐ khác	<i>tài sản</i>												
Tổng cộng (I+II):													

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Nhà số 01, Nhà số 02, Nhà số 03, xe ô tô BKS số ...: Là các tài sản tăng/giảm trong kỳ báo cáo và nhập số liệu tại các cột từ cột (6) đến cột (11)
 - Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ tại các cột (3), (4), (5), (12), (13), (14): Nhập số tổng tại các dòng: Đơn vị A; Đơn vị B; 1- Đất; 2- Nhà (2.1- Địa chỉ A; 2.2- Địa chỉ B); 3- Xe ô tô; 4- Tài sản cố định khác.

- Tài sản cố định khác: Là tổng các tài sản tăng/giảm trong kỳ báo cáo. Việc xác định tổng các TSCĐ khác theo hướng dẫn như tại Mẫu số 01-BC/THC, Mẫu số 02- BC/HT.

- Ví dụ:

+ Đơn vị A đầu kỳ có 100 tài sản cố định, với tổng diện tích 1.200 m², tổng nguyên giá là 30.000.000 (nghìn đồng); trong đó tại địa chỉ A: Đầu kỳ có 10 nhà (tổng diện tích sàn XD: 1000 m²; nguyên giá: 10.000.000 nghìn đồng); trong kỳ tăng 02 nhà (tổng diện tích sàn XD: 100 m², nguyên giá: 1.000.000 nghìn đồng), giảm 01 nhà (tổng diện tích sàn XD: 50 m², nguyên giá: 500.000 nghìn đồng) thì xác định số cuối kỳ đối với tài sản là nhà như sau:

Số lượng tại Cột (12) = 10 + 2 - 1 = 11 (cái)

Diện tích tại Cột (13) = 1.000 + 100 - 50 = 1.050 (m²)

Nguyên giá tại Cột (14) = 10.000.000 + 1.000.000 - 500.000 = 10.500.000 (nghìn đồng)

Các loại tài sản khác không có tài sản tăng, giảm trong kỳ thì số liệu đầu kỳ bằng số liệu cuối kỳ.

+ Đơn vị B: Đầu kỳ có 150 TSCĐ (gồm: 02 xe ô tô, 148 TSCĐ khác) với tổng nguyên giá là 35.000.000 (nghìn đồng) và không có tài sản tăng, giảm trong kỳ thì số liệu đầu kỳ bằng số liệu cuối kỳ.

+ Nhập số liệu báo cáo của các đơn vị A, B, tổng các đơn vị như sau:

Tài sản	Đơn vị tính (áp dụng cho chỉ tiêu số lượng)	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
		Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (nghìn đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I- Đơn vị A		100	1.200	30.000.000	2	100	1.000.000	1	50	500.000	101	1.250	30.500.000
1- Đất	khuôn viên	1	200	15.000.000							1	200	15.000.000
2- Nhà	cái	10	1.000	10.000.000	2	100	1.000.000	1	50	500.000	11	1050	10.500.000
2.1- Địa chỉ A		10	1.000	10.000.000	2	100	1.000.000	1	50	500.000	11	1050	10.500.000
Nhà số 01					1	60	600.000						
Nhà số 02					1	40	400.000						
Nhà số 03								1	50	500.000			
3- Xe ô tô	cái	0											
4- TSCĐ khác	tài sản	89		5.000.000							89		5.000.000
II- Đơn vị B		150		35.000.000							150		35.000.000
1- Đất	khuôn viên	0	0	0							0	0	0
2- Nhà	cái	0	0	0							0	0	0
3- Xe ô tô	cái	2		2.500.000							2		2.500.000
4- TSCĐ khác	tài sản	148		32.500.000							148		32.500.000
Tổng cộng (I+II):		250	1.200	65.000.000	2	100	1.000.000	1	50	500.000	251	1.250	65.500.000

BỘ, CQ TW/UBND CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC- Bộ/CQ TW/UBND

....., ngày.....tháng..... năm ...

MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài
(Năm:)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

A. Tình hình thực hiện, kết quả thực hiện

I. Tình hình ban hành và thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý

- Các văn bản pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công do bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ban hành theo thẩm quyền (kể cả các văn bản ban hành trước kỳ báo cáo nhưng còn hiệu lực thi hành trong kỳ báo cáo);

- Đánh giá tình hình thực hiện các văn bản pháp luật theo thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương; tính kịp thời, phù hợp, mâu thuẫn, bất cập của các văn bản đã ban hành; tác động của các văn bản đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

II. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý

- Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công

- Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo

- Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo

III. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý

B. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Đề nghị nêu rõ các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc (nếu có); trong đó nêu rõ các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan.

C. Phương hướng nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị

BỘ TRƯỞNG/THỦ TRƯỞNG CQ TW/

CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục II

*(Kèm theo Nghị định số 286/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 02	Biên bản rà soát, xác định nhu cầu khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà
Mẫu số 07	Đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Rà soát, xác định nhu cầu khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác; Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ khác

Hôm nay, vào lúcgiờ ... phút ngàythángnăm.....:

Tổ công tác liên ngành gồm có:

1. Đại diện Sở Tài chính/cơ quan chuyên môn về kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

2. Đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng nhà:

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

4. Đại diện tổ chức quản lý, kinh doanh nhà:

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

[illegible]

Trên cơ sở báo cáo, kê khai của các đơn vị có liên quan (tổ chức quản lý, kinh doanh nhà; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng nhà;...), Tổ công tác liên ngành thống nhất các nội dung sau:

[illegible]

2. Các cơ sở nhà, đất không có nhu cầu giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã phương án xử lý theo quy định của pháp luật:

[illegible]

(**) Phương án xử lý đề xuất phải phù hợp với quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất hoặc pháp luật có liên quan khác.

III. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP CÓ LIÊN QUAN

1. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất:.....

2. Ý kiến của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà:.....

3. Ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan:.....

Biên bản được lập thànhbản và kết thúc vào lúc..... giờ cùng ngày.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC QUẢN LÝ,
KINH DOANH NHÀ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH/CƠ QUAN
CHUYÊN MÔN VỀ KINH TẾ THUỘC
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN
VỊ, DOANH NGHIỆP ĐANG QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ NHÀ

Kính gửi⁽¹⁾:

1. Tên tổ chức đăng ký thuê nhà:.....
2. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày
Mã số thuế (nếu có):
- Đại diện bởi: Chức vụ
- CMND/CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng số: ngày
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Điện thoại liên hệ:
5. Tài sản đề nghị miễn, giảm tiền thuê (theo Hợp đồng thuê nhà số ... ngày ...)⁽²⁾:
 - 5.1. Vị trí, địa điểm nhà:.....
 - 5.2. Diện tích nhà:
 - Tổng diện tích sàn xây dựng nhà:.....m²
 - Tổng diện tích sàn sử dụng nhà:m², trong đó:
 - + Diện tích sử dụng riêng:.....m²
 - + Diện tích sử dụng chung (nếu có):.....m²
 - 5.3. Giá cho thuê nhà:(đồng/tháng)
 - 5.4. Mục đích sử dụng nhà thuê:
6. Hồ sơ kèm theo⁽³⁾:.....

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ NHÀ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.
- (2) Ghi thông tin về Hợp đồng thuê nhà.
- (3) Ghi đầy đủ các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên.